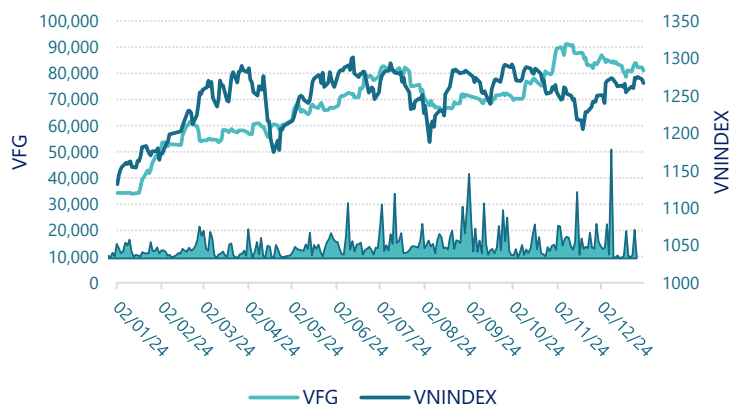


CTCP Khử trùng Việt Nam (HSX: VFG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	81,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	91,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	33,957
SL cổ phiếu LH	41,712,614
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,000
% sở hữu nước ngoài	1.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,383
P/E	7.2
EPS	11,255

DT thuần

Q4/24

796

tỷ VNĐ

QoQ: ▼89.0| -10.1%

YoY: ▼363| -31.3%

LN sau thuế

Q4/24

116

tỷ VNĐ

QoQ: ▼78.0| -40.0%

YoY: ▼1.00| -0.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

16.5%

+/- YoY: ▲ 4.5%

DT thuần

2024

3,498

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 236| 7.2%

LN sau thuế

2024

471

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 175| 59.2%

ROE

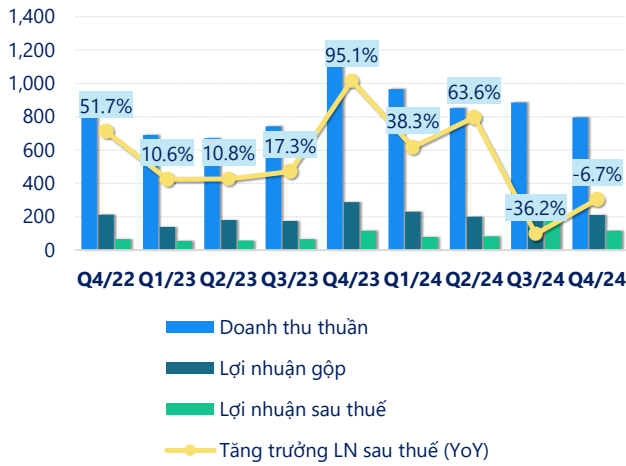
2024

32.9%

+/- YoY: ▲ 8.1%

tỷ VNĐ

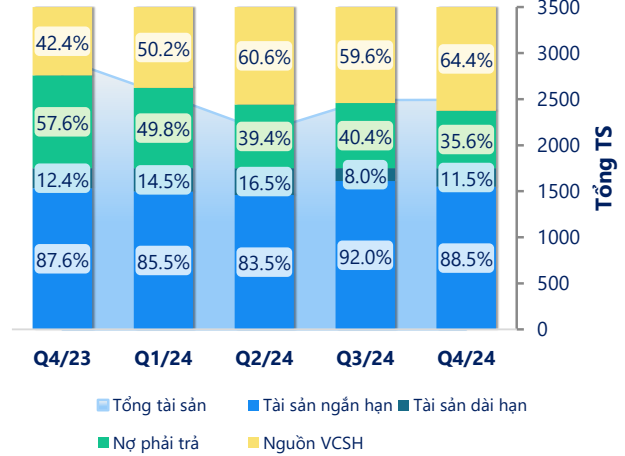
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

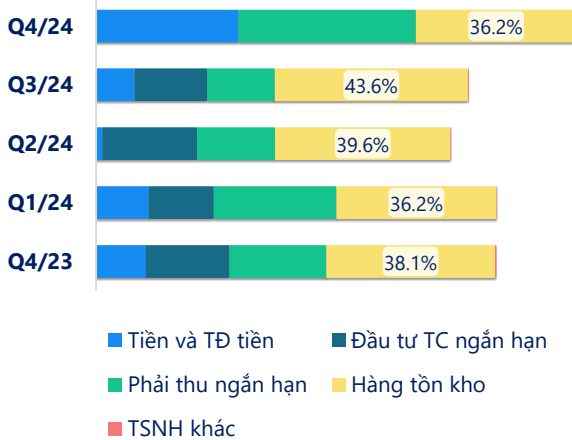
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



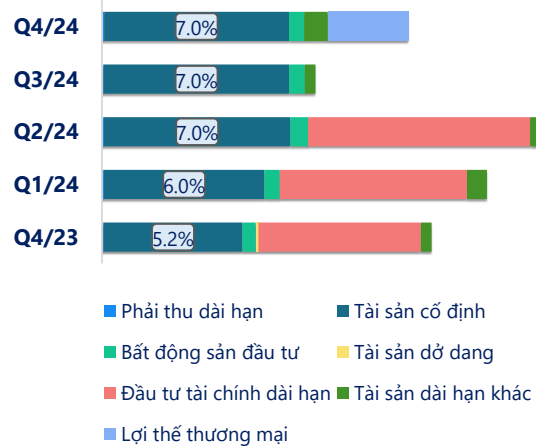
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

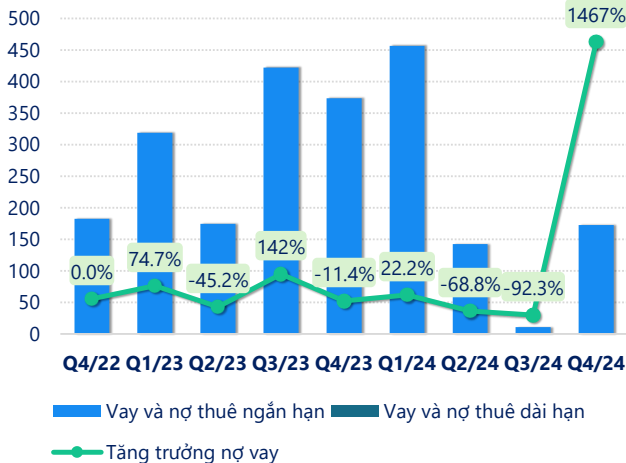
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

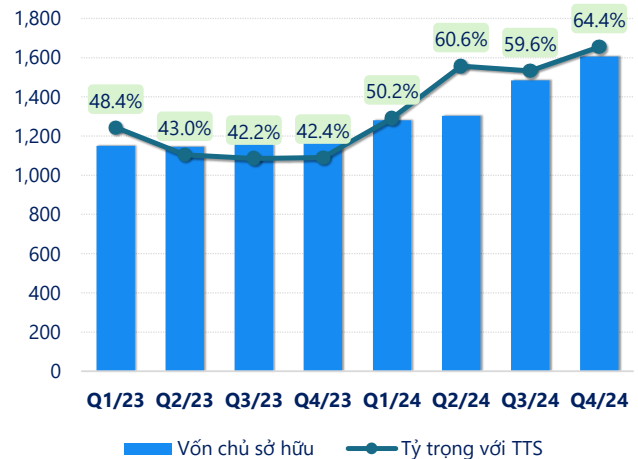
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

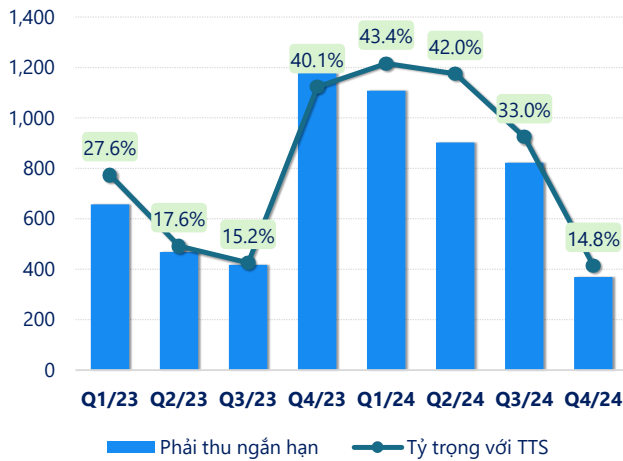
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



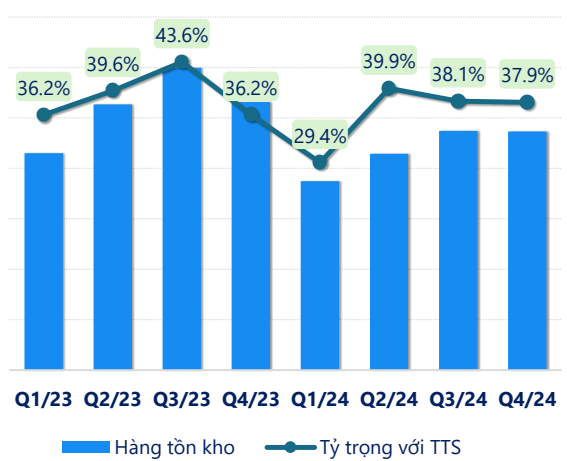
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


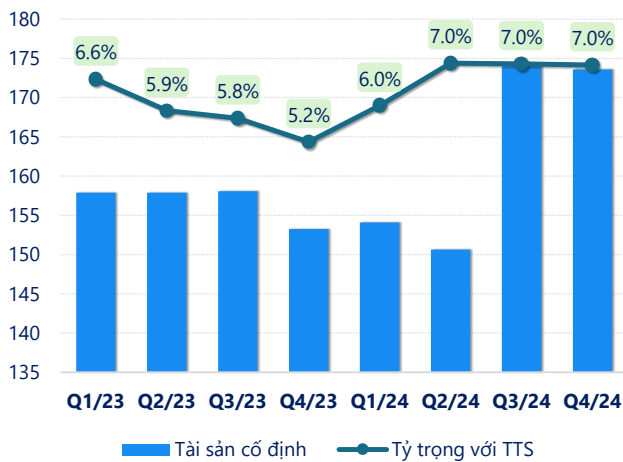
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


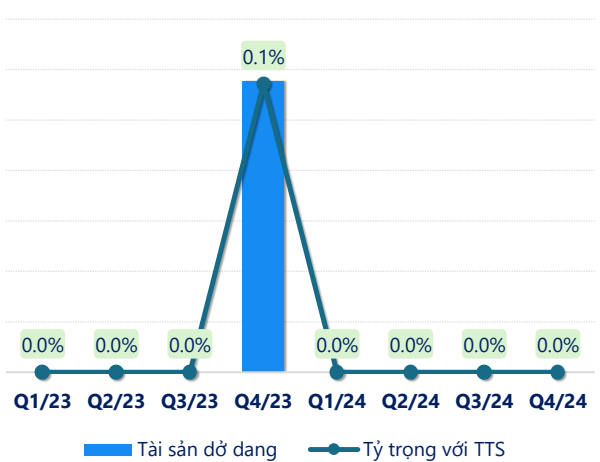
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

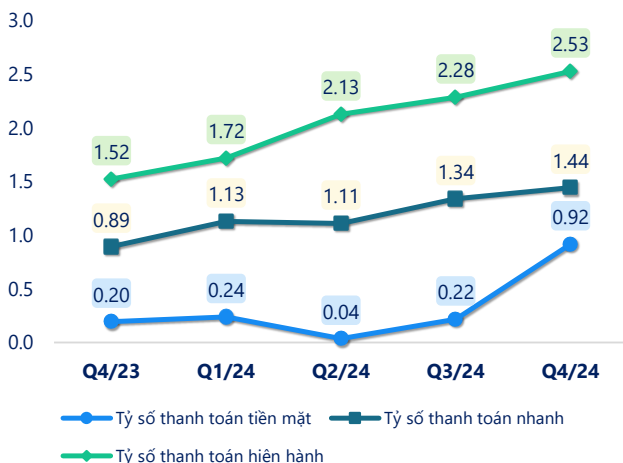
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

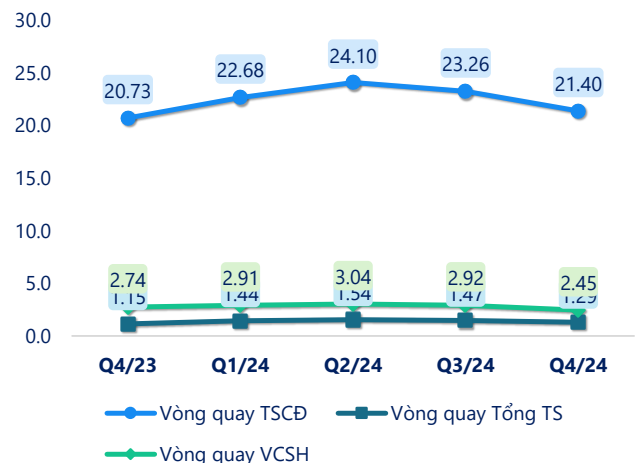
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	2,937	2,550	2,151	2,490	2,494
Tài sản ngắn hạn	2,573	2,181	1,795	2,290	2,207
Tiền và tương đương tiền	330	303	30.6	216	801
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.29	0.29	0.29	298	83.3
Phải thu ngắn hạn	1,178	1,107	903	822	369
Hàng tồn kho	1,063	749	858	949	946
Tài sản ngắn hạn khác	2.32	21.1	3.51	5.43	8.10
Tài sản dài hạn	364	369	356	200	288
Phải thu dài hạn	1.85	1.77	1.71	1.61	2.00
Tài sản cố định	153	154	151	174	174
Bất động sản đầu tư	14.9	14.7	14.5	14.3	14.1
Tài sản dở dang	2.88	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	180	180	180	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.9	19.4	9.59	10.1	22.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	75.8
Nợ phải trả	1,691	1,270	848	1,006	889
Nợ ngắn hạn	1,689	1,268	845	1,003	874
Vay và nợ thuê ngắn hạn	374	457	142	11.0	172
Phải trả người bán ngắn hạn	512	97.0	110	232	121
Nợ dài hạn	1.99	1.99	3.46	3.46	15.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,246	1,280	1,303	1,484	1,605
Vốn chủ sở hữu	1,246	1,280	1,303	1,484	1,605
Vốn điều lệ	417	417	417	417	417
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)